

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG -TP HÀ NỘI**

-----***-----

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST

Ngày 31/10/2018

V/v tranh chấp: ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG TP HÀ NỘI

- Thanh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thúy Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Mạnh Huê

2. Ông Lê Văn Châu

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai – Thư ký Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên .

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 303/2018/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp : xin ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102 /2018/QĐXX-ST ngày 04.10.2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23.10.2018 giữa các đương sự :

***Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy M** - sinh năm 1976

HKTT: phố Vọng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Trú tại: khu đô thị Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội.

Nghề nghiệp: Cán bộ

Có mặt

***Bị đơn: Anh Nguyễn Thế T** - sinh năm 1972

HKTT và trú tại: phố Vọng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Nghề nghiệp: Nhân viên.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 17.4.2018 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy M trình bày :

- Chị kết hôn với anh Nguyễn Thế T năm 2000 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Trước khi kết hôn, chưa ai có vợ, có chồng.

Sau khi kết hôn, anh T làm việc tại Hà Nội còn chị vẫn sinh sống và làm việc tại huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Được 5 năm chị chuyển công tác lên Hà Nội và vợ chồng sinh sống tại phố Vọng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội cho đến nay.

Vợ chồng sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi cờ bạc, bỏ bê gia đình. Chị vì bố mẹ và con cái nên đã tha thứ cho anh T để gia đình được yên ấm nhưng anh T vẫn chứng nào tật ấy, không thay đổi cho đến năm 2013 anh T đã đánh đập, gây sức ép cho chị, vì không chịu được nên chị cùng các con đi thuê nhà khác để ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và có nguyện vọng xin ly hôn anh T.

* Toà án đã tổng đạt cho anh Nguyễn Thế T thông báo thụ lý vụ án nhưng sau 15 ngày kể từ khi được tổng đạt anh Nguyễn Thế T không có ý kiến gì. Toà án đã tổng đạt thông báo lấy lời khai của anh về việc chị Nguyễn Thị Thúy M xin ly hôn và các thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Nguyễn Thế T đều không đến Toà án.

Tại biên bản làm việc ngày 06.10.2018 giữa đại diện Trung tâm vận chuyển và kho vận Miền Bắc (nơi anh Nguyễn Thế T làm việc) với Tòa án đã ghi lại ý kiến của anh Nguyễn Thế T về việc chị M xin ly hôn. Anh T trình bày như sau:

Anh có biết việc chị Nguyễn Thị Thúy M nộp đơn xin ly hôn anh tại Tòa án, anh đã được nhận thông báo thụ lý vụ án và các thông báo khác của Tòa án nhưng anh đều không ký vào các biên bản giao nhận các văn bản của Tòa án, mọi thông tin liên quan đến quá trình giải quyết anh đều được biết, nhưng anh không đến Tòa án vì anh không đồng ý ly hôn chị M, chị M xin ly hôn là việc của chị M, mâu thuẫn vợ chồng thì rất nhiều nhưng anh không trình bày, hiện vợ chồng đang sống ly thân.

Về con chung:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thúy M trình bày: chị và anh T có có hai con chung: Nguyễn Trung H, sinh ngày xx.2001; Nguyễn V, sinh ngày xx2009.

Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng là 3.000.000đồng / tháng.

Bị đơn: anh Nguyễn Thế T trình bày: Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng để chị M nuôi các con. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng là 3.000.000đồng.

Về tài sản, nhà ở chung: chị M và anh T đều xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung:

Chị M và anh T đều xác nhận không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị M, anh T không trình bày hay yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa:

* Chị M vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn đối với anh T. Chị xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết xin ly hôn với anh T.

* Tại phiên tòa ngày 23/10/2018 và tại phiên tòa ngày hôm nay ; anh Nguyễn Thế T đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra phiên tòa xét xử và quyết định hoãn phiên tòa – như vậy anh Nguyễn Thế T đã tự tước đi quyền trình bày để bảo vệ quyền lợi của mình.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hai Bà Trưng phát biểu:

- Quá trình thụ lý , giải quyết vụ án -Thẩm phán đó tuân thủ đúng các quy định của pháp luật được quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự .

- Quá trình xét xử - Hội đồng xét xử và đương sự đó tuân thủ đúng các quy định của pháp luật được quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đề nghị :

Xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M. Cho chị M được ly hôn anh T.

Về Con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị M, anh T về việc giao hai con cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi các con là 3.000.000đồng/tháng.

Về tài sản: hai bên xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nhà ở, về vay nợ chung: Hai bên xác nhận vợ chồng không có, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa

Căn cứ lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thúy M và anh Nguyễn Thế T và photô biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hai Bà Trưng tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử nhận định:

I. Chị Nguyễn Thị Thúy M và anh Nguyễn Thế T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trước đó chưa ai có vợ có chồng. Hai bên đăng ký kết hôn ngày 16.10.2000 tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Hưng, huyện Kiên Xương, tỉnh Thái Bình. Đây là một hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn một thời gian, vợ chồng chung sống tại phố Vọng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Xét về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, chị M trình bày: nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T chơi cờ bạc, bỏ bê gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay mỗi người một nơi. Anh T trình bày: vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng anh không muốn nói ra, vợ chồng đang

sống ly thân, chị M xin ly hôn là việc của chị, anh không đồng ý ly hôn với chị M.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, vợ chồng chị M, anh T có mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay vợ chồng sống mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết, anh T đã không đến Tòa án, chứng tỏ anh T không muốn hàn gắn và duy trì cuộc hôn nhân này. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng chị M, anh T không còn khả năng đoàn tụ, không còn việc chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Xột việc chị M xin ly hôn với anh T là có cơ sở; nghĩ nên xử cho chị M được ly hôn với anh T là phù hợp với thực tế.

II. Về Con chung: Chị M, anh T xác nhận có hai con chung: Nguyễn Trung H, sinh ngày xx.2001; Nguyễn V, sinh ngày xx2009. Xét nguyện vọng của chị M, anh T giao hai con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đây là sự thỏa thuận của chị M, anh T và cũng phù hợp với nguyện vọng của các con chung nên cần ghi nhận. Khi nuôi các con, chị M yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng là 3.000.000đồng, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng là 3.000.000. Đây là sự tự nguyện của anh T và cũng phù hợp với yêu cầu cấp dưỡng của chị M nghĩ nên cần ghi nhận.

III. Về tài sản chung: Chị M, anh T xác nhận không có, không yêu cầu giải nên Hội đồng xét xử không xem xét.

IV. Về nhà ở chung: chị M, anh T xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

V. Về vay nợ chung: chị M, anh T xác nhận vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ - không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

VI. Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T phải chịu án phí dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, khoản 1 điều 57, Điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 .

- Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 3 điều 36, khoản 4 điều 147, điều 220, khoản 2 điều 227 , điều 235 , điều 266 , điều 271, điều 273, điều 278, điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Căn cứ điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử:

* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy M đối với anh Nguyễn Thế T.

* Cho chị Nguyễn Thị Thúy M được ly hôn với anh Nguyễn Thế T.

- **Về con chung:** Xác nhận chị M, anh T có hai con chung: Nguyễn Trung H, sinh ngày xx.2001; Nguyễn V, sinh ngày xx.2009.

Ghi nhận sự tự nguyện giao hai con chung cho chị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh T cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng là 3.000.000đồng(mỗi cháu là 1.500.000đồng/ tháng). Việc cấp dưỡng nuôi con được tính từ tháng 10.2018 cho đến khi các con chung trưởng thành (18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc các con chung không ai được ngăn cản.

- **Về tài sản và nhà ở chung:** Chị M, anh T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về vay nợ chung:** Chị M, anh T xác nhận vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về án phí :** * Chị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào 300.000đ dự phí đó nộp theo biên lai thu tiền số 0003796 ngày 03.5.2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội.

* Anh T phải chịu án 150.000đồng án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

* Chị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

* Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

* Viện Kiểm sát nhân dân Quận Hai Bà Trưng có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quyền kháng nghị trong hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NƠI NHẬN :

- Các đương sự
- TAND TP Hà Nội
- Viện kiểm sát Quận Hai Bà Trưng
- Thi hành án Dân sự Q.HBT
- Lưu hồ sơ , văn phòng

Vũ Thúy Hoa